

TOÀ ÁNNHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202/2022/HS-ST
Ngày 29/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định;
2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 193/2022/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo: **Phạm Hữu C**, sinh ngày 26/4/1991, nơi sinh: Tỉnh T. Nơi cư trú: Tổ 03, phường H, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Hữu K và bà Bùi Thị N (đã chết); Chung sống như vợ chồng với chị Phạm Thị N1, sinh năm 1999, trú tại xã T1, huyện T2, tỉnh T và có 01; Tiền án: Bản án số 133/2021/HSST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/02/2022, thi hành xong án phí sơ thẩm và khoản truy thu nộp ngân sách nhà nước ngày 04/5/2022; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 31/2009/HSST ngày 19/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt Phạm Hữu C 18 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2008. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2010. Đã thi hành xong án phí sơ thẩm ngày 18/8/2009. Bản án số 55/2011/HSPT ngày 16/8/2011 của Tòa án nhân dân, tỉnh T xử phạt Phạm Hữu C 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/3/2012. Thi hành xong án phí sơ thẩm ngày 18/11/2011; bị tạm giữ từ ngày 30/9/2022 đến ngày 05/10/2022

chuyển tạm giam cho đến nay.

*** Người chứng kiến:**

- Ông Tô Văn D, sinh năm 1957, nơi cư trú: Tổ 04, phường H, thành phố T, tỉnh T.

- Ông Bùi Văn H1, sinh năm 1970, nơi cư trú: Tổ 07, phường H, thành phố T, tỉnh T.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt ông D và ông H1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 30/9/2022, Phạm Hữu C đi bộ từ nhà ra khu vực Công viên nước thuộc tổ 02, phường H, thành phố T với mục đích mua ma túy để bán kiếm lời. Đến nơi, C gặp và mua của một nam giới khoảng 25 tuổi không biết tên, địa chỉ 01 túi ma túy, loại Methamphetamine với giá 800.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, C đi bộ đến khu vực trước cổng nhà máy nước thuộc tổ 03, phường H, thành phố T thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, yêu cầu kiểm tra. Tại đây, trước sự chứng kiến của ông Tô Văn D và ông Bùi Văn H1, C đã tự giác giao nộp 01 túi nilon và khai nhận đó là túi ma túy, loại Methamphetamine của C vừa mua với mục đích bán để kiếm lời. Tổ công tác quản lý 01 của C chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã cũ.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thái Bình tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Hữu C không phát hiện, thu giữ gì.

Kết luận giám định số 386/KL-KTHS (MT) ngày 03/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 2,0820 gam.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi vi phạm của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 210/CT-VKSTPTB ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/9/2022. Phạt bổ sung từ 05 đến 07 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Trả lại bị cáo chiếc điện thoại OPPO màu đen đã cũ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

* Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Biên tạm giữ đồ vật, tài liệu. Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu. Biên bản khám xét. Kết luận giám định số 386/KL-KTHS (MT) ngày 03/10/2022. Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến. Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 17 giờ 30 phút ngày 30/9/2022, tại khu vực trước cổng nhà máy nước thuộc tổ 03, phường H, thành phố T, tỉnh T, tổ công tác Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang Phạm Hữu C có hành vi tàng trữ trái phép 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 2,0820 gam mục đích để bán kiếm lời.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điều 251 Tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu, không có tiền sự, có 01 tiền án tại Bản án số

133/2021/HSST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Tình tiết này được giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Cần thiết phải xử phạt mức hình phạt nghiêm minh với hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Mục đích bị cáo bán ma túy để kiếm lời, phạt bổ sung bị cáo 05 triệu đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

[7.1] Số Methamphetamine còn lại sau giám định 1,8513 gam là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Chiếc điện thoại OPPO thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của một người nam giới khoảng 25 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại khu vực Công viên nước thuộc tổ 02, phường H, thành phố T, tỉnh T nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh - Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hữu C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Hữu C 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo 05 (năm) triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số Methamphetamine còn lại sau giám định là 1,8513 gam trong phong bì niêm phong số 386/KL-KTHS(MT) ngày 03/10/2022.

- Trả lại bị cáo chiếc điện thoại OPPO màu đen đã cũ.

(Vật chứng của vụ án Công an thành phố Thái Bình đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 30/11/2022).

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/12/2022)./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Nhà tạm giữ/trại tạm giam công an Tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Tuyết